CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
Số: 34 /TB-HĐQT	*Khánh Hòa, ngày 18 tháng 11 năm 2026*

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:4200444916, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG, L=Nha Trang, S=KHÁNH HÒA, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-11-18 11:03:01
Foxit Reader Version: 9.0.0

THÔNG BÁO
Vv Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026, cụ thể như sau:

1. Thời gian: lúc 7 giờ 30 phút, Thứ sáu, ngày 11 tháng 12 năm 2026.

2. Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang, 84 Hùng Vương, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà.

3. Đối tượng tham gia:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 11 tháng 11 năm 2026.

4. Nội dung chính Đại hội:

Cho ý kiến và biểu quyết thông qua các văn kiện sửa đổi bổ sung bao gồm:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động (tài liệu đính kèm);
- Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (tài liệu đính kèm);
- Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị (tài liệu đính kèm);
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (tài liệu đính kèm);

5. Tài liệu Đại hội:

- Quý cổ đông vui lòng tải toàn bộ tài liệu Đại hội trên website http://urenconhatrang.com.vn kể từ ngày 18/11/2026.

6. Đăng ký tham dự Đại hội:

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội **trước 15g00 ngày 08/12/2026** về:

Văn phòng Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang

Số 84 đường Hùng Vương, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Các vấn đề cần trao đổi đề nghị Quý cổ đông thông tin cho ông Lê Nguyễn Hữu Toàn - nhân viên Phòng Tổ chức - Hành chính theo số điện thoại di động: 0908 505 009.

Quý cổ đông vui lòng có mặt đúng giờ, mang theo **Thư mời (đã ký xác nhận tham dự), Thẻ căn cước/CCCD/hộ chiếu (bản chính)**. Trường hợp được

ủy quyền, người đại diện tham dự vui lòng mang theo *Giấy ủy quyền (bản chính), Thư mời họp của người ủy quyền (đã ký xác nhận tham dự), Thẻ căn cước/CCCD hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (bản chính)* khi đến tham dự đại hội.

Thông báo này thay cho Thư mời trong trường hợp Quý cổ đông có quyền dự họp nhưng chưa nhận được Thư mời.

Trân trọng thông báo ./.

Nơi nhận:
- Các cổ đông Công ty.
- Website (http://urenconhatrang.com.vn)
- Lưu: VT, TCHC

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 4200444916 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG
P. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

Phạm Vinh Nghiệp

KỊCH BẢN

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

(Ngày tháng năm 2026)

1. Ông: Tạ Tuấn Anh

Xin phép các quý vị đại biểu, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang xin được bắt đầu

Kính thưa các Quý vị đại biểu cùng toàn thể Quý vị Cổ đông!

Hôm nay ngày 11/12/2026, Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang long trọng tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2026, thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, cùng một số nội dung quan trọng khác.

Kính thưa Đại hội!

Về dự Đại hội hôm nay, Ban tổ chức xin trân trọng giới thiệu và nhiệt liệt chào mừng!

- Ông: .....

Về phía Công ty, *Xin trân trọng giới thiệu và nhiệt liệt chào mừng!*

- Ông: Phạm Vinh Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty

- Ông: Nguyễn Hùng Thanh - Tổng giám đốc Công ty, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty

- Ông Võ Tường Trọng - Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện chủ Doanh nghiệp Tư nhân Thương Mại và Du lịch Tường Nhàn, đang nắm giữ 1.511.300 cổ phần, chiếm tỉ lệ 25,19%.

- Cùng các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các quý vị Cổ đông đã về dự đông đủ.

Kính thưa Đại hội!

Nhằm kiểm soát và giúp cho buổi Đại hội hôm nay diễn ra đúng quy định, Hội đồng quản trị đã phân công các nhân sự sau đây làm thành viên Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, bao gồm:

1. Bà: Nguyễn Thị Ngọc Báu – Trưởng ban
2. Bà: Nguyễn Thị Thanh Xuân – Ủy viên
3. Bà: Nguyễn Thị Tuyết Nga – Ủy viên

Sau đây:

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Ban thẩm tra tư cách cổ đông lên ***"Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội".*** ***(Tài liệu số 01)***

2. Ông Phạm Vinh Nghiệp

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty lên " *Phát biểu khai mạc đại hội"* ***(Tài liệu số 02)***

3. Ông *Tạ Tuấn Anh* Thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 ***(Tài liệu số 03)***

(Theo tài liệu đính kèm)

** **Biểu quyết** :*

Nếu quý vị cổ đông không có ý kiến gì khác, chúng ta sẽ biểu quyết:

Quý vị cổ đông nào ***đồng ý*** *với* ***Thể lệ làm việc và biểu quyết tại đại hội*** *như trên xin giơ Phiếu biểu quyết.*

Xin cảm ơn và xin mời quý vị để phiếu xuống.

Quý vị cổ đông nào ***không đồng ý*** *với* ***Thể lệ làm việc và biểu quyết tại đại hội*** *như trên xin giơ Phiếu biểu quyết.*

(Nếu có người giơ phiếu)

Xin cảm ơn và mời Ban tổ chức thống kê tỷ lệ ***không đồng ý.***

Quý vị cổ đông nào ***không có ý kiến*** *với* ***Thể lệ làm việc và biểu quyết tại đại hội*** *như trên xin giơ Phiếu biểu quyết.*

(Nếu có người giơ phiếu)

Xin cảm ơn và mời Ban tổ chức thống kê tỷ lệ ***không có ý kiến.***

Như vậy, Đại hội đã thống nhất với **Thể lệ làm việc và biểu quyết tại đại hội** nêu trên. Xin cảm ơn.

4. Ông Tạ Tuấn Anh, Thống nhất chủ tọa đoàn

Kính thưa toàn thể quý vị cổ đông,

Để điều khiển Đại hội ngày hôm nay, HĐQT Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang đề nghị nhân sự trong Chủ tọa đoàn, như sau:

1. Ông: Phạm Vinh Nghiệp - Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa
2. Ông: Nguyễn Hùng Thanh - Thành viên
3. Ông: Võ Tường Trọng - Thành viên

Chúng tôi xin ý kiến của toàn thể cổ đông về nhân sự Chủ tọa đoàn nêu trên

Nếu quý vị cổ đông không có ý kiến gì khác, chúng tôi xin biểu quyết:

Quý vị cổ đông nào ***đồng ý*** *với nhân sự Chủ tọa đoàn nêu trên vui lòng giơ Phiếu biểu quyết.*

Xin cảm ơn và xin mời quý vị để phiếu xuống.

Quý vị cổ đông nào ***không đồng ý*** *với nhân sự Chủ tọa đoàn nêu trên vui lòng giơ Phiếu biểu quyết.*

(Nếu có người giơ phiếu)

Xin cảm ơn và mời Ban tổ chức thống kê tỷ lệ ***không đồng ý.***

Quý vị cổ đông nào ***không có ý kiến*** *với nhân sự Chủ tọa đoàn như trên xin giơ Phiếu biểu quyết.*

(Nếu có người giơ phiếu)

Xin cảm ơn và mời Ban tổ chức thống kê tỷ lệ ***không có ý kiến.***

Như vậy, Đại hội đã thống nhất nhân sự Chủ tọa đoàn điều khiển Đại hội hôm nay gồm các vị có tên nêu trên. Xin cảm ơn. ***Sau đây kính mời Chủ tọa đoàn bắt đầu làm việc.***

5. Ông *Tạ Tuấn Anh*, Thống nhất nhân sự đoàn thư ký và Ban Kiểm phiếu

Kính thưa toàn thể quý vị cổ đông,

Để giúp việc cho Đại hội ngày hôm nay, Chủ tọa đoàn đề nghị số nhân sự trong Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu như sau:

❖ **Thư ký đoàn**

1. Bà Trương Thị Thanh Hoàng - Nhân viên Phòng Tổ chức – Hành chính – Thư ký Đoàn
2. Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh – Nhân viên Phòng Tổ chức – Hành chính – Thư ký Đoàn

❖ **Ban kiểm phiếu**

1. Bà: Nguyễn Thị Ngọc Báu - Trưởng ban
2. Bà: Nguyễn Thị Thanh Xuân - Ủy viên
3. Bà: Nguyễn Thị Tuyết Nga - Ủy viên

Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu gồm kiểm phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử của các cổ đông tại Đại hội.

Chúng tôi xin ý kiến của toàn thể cổ đông về nhân sự Thư ký đoàn và Ban Kiểm phiếu nêu trên.

Nếu quý vị cổ đông không có ý kiến gì khác, chúng tôi xin biểu quyết:

*Quý vị cổ đông nào **đồng ý** với nhân sự trong Thư ký đoàn và Ban Kiểm phiếu nêu trên vui lòng giơ Phiếu biểu quyết.*

Xin cảm ơn và xin mời quý vị để phiếu xuống.

*Quý vị cổ đông nào **không đồng ý** với nhân sự trong Thư ký đoàn và Ban Kiểm phiếu nêu trên vui lòng giơ Phiếu biểu quyết.*

(Nếu có người giơ phiếu)

Xin cảm ơn và xin mời Ban tổ chức thống kê tỷ lệ không đồng ý.

*Quý vị cổ đông nào **không có ý kiến** với nhân sự trong Thư ký đoàn và Ban Kiểm phiếu như trên xin giơ Phiếu biểu quyết.*

(Nếu có người giơ phiếu)

*Xin cảm ơn và mời Ban tổ chức thống kê tỷ lệ **không có ý kiến.***

Như vậy, Đại hội đã thống nhất nhân sự Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu gồm các vị có tên nêu trên. Xin cảm ơn. **Sau đây kính mời Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu bắt đầu làm việc.**

6. Ông Tạ Tuấn Anh, Thông qua chương trình Đại hội cổ đông bất thường năm 2026. (Tài liệu số 04)

Thưa quý vị đại biểu và quý vị cổ đông

Kính thưa toàn thể đại hội, Chương trình Đại hội hôm nay gồm có các nội dung chính như sau:

(Tài liệu đính kèm)

Với chương trình Đại hội như trên, xin mời quý vị cổ đông cho ý kiến xem có cần bổ sung, loại bỏ hay điều chỉnh nội dung nào không?

Nếu quý vị cổ đông không có ý kiến gì khác, chúng ta sẽ biểu quyết:

*Quý vị cổ đông nào **đồng ý** với **nội dung chương trình Đại hội** như trên xin giơ Phiếu biểu quyết.*

Xin cảm ơn và xin mời quý vị để phiếu xuống.

*Quý vị cổ đông nào **không đồng ý** với **nội dung chương trình Đại hội** như trên xin giơ Phiếu biểu quyết.*

(Nếu có người giơ phiếu)

Xin cảm ơn và mời Ban kiểm phiếu thống kê tỷ lệ không đồng ý.

*Quý vị cổ đông nào **không có ý kiến** với **nội dung chương trình Đại hội** như trên xin giơ Phiếu biểu quyết.*

(Nếu có người giơ phiếu)

*Xin cảm ơn và mời Ban kiểm phiếu thống kê tỷ lệ **không có ý kiến.***

Vâng, Đại hội đã thống nhất với nội dung chương trình Đại hội nêu trên. Xin cảm ơn.

Sau đây xin kính mời

7. Ông Nguyễn Hùng Thanh, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc:

Thông qua dự thảo sửa đổi, bổ sung:

+ Điều lệ tổ chức và hoạt động;

+ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty;

+ Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị;

+ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; ***(Tài liệu số 05)***

8. Thảo luận:

Ông Nguyễn Hùng Thanh chủ trì thảo luận: Vừa rồi, quý vị cổ đông đã được nghe tổng hợp các nội dung đề nghị biểu quyết đã được gửi đến các cổ đông. Tiếp theo đây là thời gian dành cho cổ đông thảo luận trước khi chúng ta tiến hành biểu quyết tất cả các nội dung bằng thẻ biểu quyết.

Xin mời Quý cổ đông đóng góp ý kiến.

9. Ông Tạ Tuấn Anh: Hướng dẫn biểu quyết và thu Thẻ biểu quyết

Kính thưa quý vị cổ đông, như vậy, với số lượng cổ đông và tỷ lệ cổ phần của cổ đông tham dự đại hội nêu trên, chúng ta tiến hành biểu quyết các nội dung của Đại hội. Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào một trong ba ô "đồng ý" hoặc "không đồng ý" hoặc "không có ý kiến" của từng nội dung được nêu và ký tên vào Thẻ biểu quyết.

Kính đề nghị Quý cổ đông lưu ý các vấn đề khi biểu quyết:

Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác ... khi không được Chủ tọa yêu cầu; thẻ biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn. Thẻ biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến

trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.

Cổ đông hoặc người đại diện cổ đông cần phải ký tên, ghi đầy đủ họ tên của cổ đông vào Thẻ biểu quyết.

Kính đề nghị quý cổ đông nộp lại Thẻ biểu quyết sau khi hoàn thành cho Ban kiểm phiếu để Ban kiểm phiếu thống kê. Xin chân thành cám ơn.

---

10. Công bố kết quả kiểm thẻ biểu quyết:

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thành viên Ban Kiểm phiếu báo cáo kết quả biểu quyết thông qua Thông qua dự thảo sửa đổi, bổ sung:

+ Điều lệ tổ chức và hoạt động;
+ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty;
+ Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị;
+ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;(tài liệu đính kèm). ***(Tài liệu số 06)***

11. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh bắt đầu:

Kính thưa đại hội.Tiếp theo, tôi xin trình bày dự thảo BB & NQ của Đại hội như sau:

(Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh) đọc ***BB & NQ Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026*** *theo mẫu soạn sẵn)* ***(Tài liệu số 07,08)***

Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh điều khiển Đại thông qua nội dung BB&NQ:

Chúng tôi xin ý kiến của toàn thể cổ đông về nội dung BB & Nghị quyết Đại hội đồng cổ dông bất thường năm 2026 nêu trên.

.....

Nếu quý vị cổ đông không có ý kiến gì khác, chúng ta sẽ biểu quyết:

Quý vị cổ đông nào ***đồng ý*** *với Biên bản & Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên xin giơ Phiếu biểu quyết.*

Xin cảm ơn và xin mời quý vị để phiếu xuống.

Quý vị cổ đông nào ***không đồng ý*** *với Biên bản & Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên xin giơ Phiếu biểu quyết.*

(Nếu có người giơ phiếu)

Xin cảm ơn và mời Ban kiểm phiếu thống kê tỷ lệ ***không đồng ý.***

Quý vị cổ đông nào ***không có ý kiến*** *với Biên bản & Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên xin giơ Phiếu biểu quyết.*

(Nếu có người giơ phiếu)

Xin cảm ơn và mời Ban kiểm phiếu thống kê tỷ lệ ***không có ý kiến***

Như vậy, theo kết quả biểu quyết như trên, Đại hội đã thống nhất với ***Biên bản & Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông*** *nêu trên. Xin cám ơn.*

20. Tổng kết và bế mạc Đại hội

Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh tiếp tục: Tiếp theo sau đây, trân trọng kính mời ***Ông Phạm Vinh Nghiệp*** *tổng kết và tuyên bố bế mạc Đại hội.* ***(Tài liệu số 09)***

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG
Địa chỉ: Số 84 Hùng Vương, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà
Điện thoại: (0258) 3523 863 Website: www.urenconhatrang.com.vn

THƯ MỜI
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

Kính gửi: Quý cổ đông:

Số CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN:

Mã số tham dự:

Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần

Hội đồng quản trị trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội với chi tiết sau:

- Thời gian: 7 giờ 30, Thứ Sáu ngày 11 tháng 12 năm 2026.

- Địa Điểm: Hội Trường Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang, 84 Hùng Vương, Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Chương trình Đại hội và tài liệu Đại hội: Tài liệu phục vụ cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Quý cổ đông có thể tải về từ website Công ty tại địa chỉ: http://urenconhatrang.com.vn/codong từ ngày **18/11/2026.**

- Đăng ký tham dự:

+ Để thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội, Quý cổ đông hoặc đại diện được cổ đông uỷ quyền vui lòng xác nhận việc tham dự đại hội, nghiên cứu tất cả các báo cáo phục vụ Đại hội.

+ Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội trước **15g00 ngày 08/12/2026.**

Thông tin chi tiết và xác nhận tham dự Đại hội, Quý cổ đông vui lòng liên hệ:

+ Ông Lê Nguyễn Hữu Toàn (0908 505009)

+ Địa chỉ: 84 Hùng Vương, Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Qúy cổ đông tham dự đại hội vui lòng có mặt đúng giờ, mang theo Thư mời họp (có ký xác nhận tham dự), Thẻ Căn cước/CCCD hoặc hộ chiếu (bản chính). Trường hợp được ủy quyền, vui lòng mang theo Giấy ủy quyền (bản chính), Thư mời họp (có ký xác nhận tham dự), Thẻ Căn cước/CCCD hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (bản chính) khi đến tham dự đại hội.

Trân trọng kính mời.

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 11 năm 2026
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM VINH NGHIỆP

XÁC NHẬN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

(Vui lòng điền đầy đủ thông tin và gửi lại)

Tên cổ đông:

Người đại diện hoặc người được ủy quyền (nếu có): .....

Điện thoại: .....

Tôi xác nhận đã trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang được tổ chức vào ngày 11/12/2026.

Ngày ..... tháng ..... năm 2026

CỔ ĐÔNG / ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Kính gửi: HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Bên ủy quyền:

Cổ đông: .....

Số CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu (theo danh sách chốt ngày 11/11/2026): ..... cổ phần Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang.

Ủy quyền cho:

Bên được ủy quyền:

1. Ông (bà): .....

Số CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

2. Hoặc trường hợp cổ đông không tham dự và chưa có người đại diện, có thể ủy quyền cho một trong những thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám:

Ông/Bà: .....

Thay mặt bên ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội. Số phiếu biểu quyết tính tương ứng với số cổ phần đại diện.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ ba.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2026

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN	**BÊN ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

I. Thông tin cổ đông : Mã cổ đông : **NUE xxx**

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn A**

2. Địa chỉ thường trú: xxxxxxx

3. Quốc tịch: Việt Nam

4. Thẻ căn cước/số CCCD/số ĐKKD: xxxxxxxxxx

5. Số lượng cổ phần: xxxxx

6. Số lượng phiếu biểu quyết: xxxx

II. Các nội dung biểu quyết :

1. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

☐ **Đồng ý** ☐ **Không đồng ý** ☐ **Không có ý kiến**

2. Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

☐ **Đồng ý** ☐ **Không đồng ý** ☐ **Không có ý kiến**

3. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

☐ **Đồng ý** ☐ **Không đồng ý** ☐ **Không có ý kiến**

4. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

☐ **Đồng ý** ☐ **Không đồng ý** ☐ **Không có ý kiến**

* ***Ghi chú:***

Cổ đông lựa chọn và đánh dấu (X) hoặc (√) vào một trong ba ý kiến: **Đồng ý**, **Không đồng ý** hoặc **Không có ý kiến** và gửi về Công ty CP Môi trường Đô thị Nha Trang đúng thời gian quy định.

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 12 năm 2026

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
NĂM 2026

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông: Nguyễn Văn A

Mã số tham dự: **NUE**

Số cổ phần biểu quyết:

xxxxxx CỔ PHẦN

Quý cổ đông sử dụng Phiếu này để biểu quyết các vấn đề chung và phát sinh mới tại Đại hội

Tài liệu 01 - C Xuân

CÔNG TY CỔ PHẦN **MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO
THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang ngày 30 tháng 11 năm 2021;

Hôm nay, ngày 11 tháng 12 năm 2026, tại Hội trường Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang – 84 đường Hùng Vương, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Nha Trang tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2026 với tổng số cổ đông được mời tham dự là: ..... **cổ đông**, tương ứng tổng số cổ phần của cổ đông được mời tham dự là 6.000.000 cổ phần.

Sau khi đã kiểm tra các văn bản và hồ sơ chứng minh tư cách cổ đông của những người đến dự Đại hội cổ đông bất thường năm 2026, bao gồm:

- Thẻ căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu
- Thư mời dự họp.
- Giấy ủy quyền tham dự.

Chúng tôi, xác nhận rằng những người có mặt hôm nay có đủ tư cách tham dự Đại hội cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang. Chi tiết như sau:

Tính đến thời điểm 8 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 12 năm 2026:

- Tổng số cổ đông tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội là:..... cổ đông
- Tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội là : ..... cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần của cổ đông tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần của cổ đông được mời tham dự đạt : .....%

Căn cứ vào kết quả trên, chúng tôi tuyên bố Đại hội cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Nha Trang đến thời điểm này có đủ điều kiện tiến hành.

Kính báo./.

BAN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Ngọc Báu

DIỄN VĂN KHAI MẠC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

- Kính thưa quý vị đại biểu!

- Thưa đại hội!

Hôm nay Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang tiến hành tổ chức Đại hội Đồng cổ đông bất thường năm 2026. Thay mặt Ban điều hành Công ty tôi xin chào mừng các cổ đông của Công ty về tham dự đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026. Sự có mặt của các cổ đông là nguồn cổ vũ, động viên rất lớn, góp phần vào sự thành công của đại hội.

Đề nghị đại hội nhiệt liệt chào mừng.

- Kính thưa đại hội!

Hệ thống văn bản quản trị hiện hành của Công ty được xây dựng trên nền tảng Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp cùng các văn bản hướng dẫn. Để đáp ứng khung pháp lý mới, các quy định chuyên ngành này đã được cập nhật, sửa đổi một số điều quan trọng. Đồng thời, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật số 68/2025/QH15 yêu cầu doanh nghiệp nhà nước hoàn thành việc rà soát, ban hành điều lệ và quy chế sửa đổi trước ngày 31/12/2026.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh nêu tại Công văn số 6911/UBND –KT ngày 27/5/2026 về việc cho ý kiến nội dung biểu quyết của Người đại diện phần vốn nhà nước tại Đại hội đồng cổ đông thuường niên năm 2026, trong đó có nội dung thực hiện việc rà soát và sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Cho đến nay, trên cơ sở thực hiện của đơn vị tư vấn, Công ty đã cơ bản hoàn thành và được sự chấp thuận của UBND tỉnh, Hội đồng Quản trị đối với các dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động và dự thảo sửa đổi bổ sung các quy chế kèm theo.

Kính thưa Đại hội!

Tại Đại hội này, chúng ta sẽ được nghe, nghiên cứu cho ý kiến biểu quyết thông qua các văn kiện:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Môi trường đô thị Nha Trang

2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Nha Trang

3. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường đô thị Nha Trang.

4. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Môi trường đô thị Nha Trang

Trong thời gian làm việc trong 01 buổi sáng, để hoàn thành một khối lượng tại đại hội đồng cổ đông bất thường hôm nay, đòi hỏi mỗi cổ đông phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, đóng góp và có hiệu quả nhất cho từng nội dung của Đại hội là góp vào sự thành công của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.

Với tinh thần đó, tôi xin long trọng tuyên bố khai mạc Đại hội Đồng cổ đông bất thường năm 2026 Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang.

Chúc các đại biểu, các cổ đông sức khoẻ, hạnh phúc và thành công hơn nữa trong công tác.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

Tài liệu 03 – Tuấn Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 12 năm 2026

THỂ LỆ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Để Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang được tiến hành trong không khí trang trọng, hợp lệ và thành công tốt đẹp, kính đề nghị Quý cổ đông tham dự thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nghĩa vụ của mình dưới đây:

1. Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 11/11/2026 được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026
2. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 được quyền tham gia phát biểu ý kiến, biểu quyết và bầu cử tại Đại hội.
3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa đoàn điều khiển. Cổ đông tham gia Đại hội phải tuân thủ theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn nhằm tạo điều kiện cho Đại hội diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng và hợp lệ.
4. Khi tiến hành đăng ký tham dự đại hội, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền Thẻ biểu quyết, trên đó ghi mã số tham dự, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

4.1 Phiếu biểu quyết:

- Đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu; Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; Biên bản, Nghị quyết Đại hội và một số vấn đề phát sinh ngay tại Đại hội.
- Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến.

4.2 Thẻ biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết nêu trên) bằng cách đánh dấu chéo (X hoặc ✓) vào ô Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Thẻ biểu quyết.
- Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác… khi không được Chủ tọa yêu cầu; thẻ biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn. Thẻ biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

- Trong một Thẻ biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.
- Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.
- Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do quan trọng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Thẻ biểu quyết cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó đồng ý đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.
- Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông / đại diện cổ đông nào bỏ phiếu vào thùng phiếu.

5. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thống kê số phiếu Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa đoàn. Chủ tọa sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết.
6. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có **65%** trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông..
8. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký đoàn ghi chép đầy đủ vào Biên bản Đại hội và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.
9. Thể lệ làm việc và biểu quyết này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ từ 65% tổng số biểu quyết bằng hình thức giơ tay của tất cả cổ đông dự họp trở lên, Thể lệ này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Vinh Nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG
Thứ Sáu, ngày 11 tháng 12 năm 2026

Địa điểm: Hội trường Văn phòng Công ty, 84 Hùng Vương, phường Nha Trang

Thời gian	Nội dung chương trình Đại Hội
Từ 7 h đến 7 h 30	- Đón tiếp đại biểu; đăng ký danh sách dự họp; phát tài liệu, thẻ biểu quyết cho cổ đông
Từ 7h 30 đến 8h	**Khai mạc**
1	- Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông
2	- Phát biểu khai mạc Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026
3	- Thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội
4	- Hội nghị bầu Đoàn Chủ tọa (dự kiến các ông **Nghiệp, Thanh, Trọng)** - Bầu Thư ký đoàn (dự kiến các bà **Hoài Thanh, Thanh Hoàng**). - Bầu Ban Kiểm phiếu (dự kiến các thành viên Ban Kiểm soát: **Báu, Xuân, Nga**)
5	- Thông qua chương trình làm việc tại Đại Hội
Từ 8h đến 9 h	**Nội dung chính**
6	Thông qua dự thảo sửa đổi, bổ sung: - Điều lệ tổ chức và hoạt động; - Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; - Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị; - Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
Từ 9h đến 10h	Thảo luận và đóng góp ý kiến.
7	Biểu quyết, thông qua dự thảo sửa đổi, bổ sung các văn kiện: - Điều lệ tổ chức hoạt động; - Quy chế Nội bộ về Quản trị công ty; - Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; - Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; *(lần 2 đối với những trường hợp cổ đông chưa thực hiện biểu quyết đã gởi kèm theo tài liệu gởi về công ty)*
8	Báo cáo kết quả kiểm phiếu
9	Thông qua Biên bản và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026
10	Tuyên bố bế mạc Đại Hội

BẢN DỰ THẢO Ngày 12/11/2026

BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

- **Tổng cộng:** 32 điểm sửa đổi, bổ sung
- **Tóm lược:** Bản sửa đổi quy định rõ điều kiện họp Đại hội đồng cổ đông, điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua, cơ cấu và thẩm quyền của Hội đồng quản trị, cũng như các hạn mức đầu tư, vay vốn, trích lập quỹ và trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
1.	**PHẦN MỞ ĐẦU** Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 30 tháng 11 năm 2021.	**PHẦN MỞ ĐẦU** Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 vào ngày tháng năm 2026.	Phù hợp với tình hình thực tế
2.	**Điểm c, d khoản 1 Điều 1** c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa	**Điểm c, d khoản 1 Điều 1** c. "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế từng thời điểm, đang có hiệu lực;	Phù hợp với tình hình thực tế

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	d. "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hướng dẫn thi hành;	
3.		**Bổ sung điểm e khoản 1 Điều 1 - Khái niệm "Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp" liên quan đến doanh nghiệp nhà nước** e) "Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp" là Luật số 68/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm, đang có hiệu lực;	
4.	**Điểm e, f, g, h, i, j, k, l, m Khoản 1, Điều 1**	Chuyển thành: **Điểm f, g, h, i, j, k, l, m, o Khoản 1 Điều 1**	Phù hợp với thứ tự sau điều chỉnh, bổ sung
5.		**Bổ sung Khoản 4 Điều 1** 4. Các từ hoặc các thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh	Phù hợp với tình hình thực tế

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
		nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	
6.	**Điểm a khoản 3 Điều 2** a. Địa chỉ trụ sở chính: 84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	**Điểm a khoản 3 Điều 2** a. Địa chỉ trụ sở chính: 84 Hùng Vương, Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Cập nhật phù hợp với thực tế thay đổi địa giới hành chính
7.	**Khoản 6 Điều 2** 6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	**Khoản 6 Điều 2** 6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Sửa lại cho phù hợp với thứ tự điều khoản. Cụ thể: Điều 54 quy định về chấm dứt hoạt động của Công ty
8.	**Điểm d Khoản 3 Điều 13** d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông	**Điểm d Khoản 3 Điều 13** d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ	Điểm c khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020: *"c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số*

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	*doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;"*
9.	**Khoản 4 Điều 14** 4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	**Khoản 4 Điều 14** 4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì <u>cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty</u> phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	Khoản 2 Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020: *"2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì <u>cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty</u> phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và*

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
			nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra."
10.	**Khoản 1,2 Điều 20** 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.	**Khoản 1, 2 Điều 20** 1. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.	Điều chỉnh lại câu từ phù hợp với Khoản 1, 2 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020: *"1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.* *2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện*

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
			từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định."
11.	**Khoản 1 Điều 22** Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:	**Khoản 1 Điều 22** Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:	Căn cứ Khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15: *"Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ...* *5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 ... Điều 148 như sau:* *"1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:..."*
12.	**Khoản 2 Điều 22**	**Khoản 2 Điều 22**	Căn cứ Khoản 1 Điều 148 Luật

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Doanh nghiệp 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15: *"Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp* ... *5. Sửa đổi, bổ sung ... khoản 2 Điều 148 như sau:* ... *2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.".*
13.	**Khoản 3 Điều 27** Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội	**Khoản 3 Điều 27** Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty phải đảm bảo quy định sau: Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội	Căn cứ Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP: *79. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 276 như sau:* *"2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	*của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau:* *a) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;* *b) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;* *c) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.".*
14.		**Bổ sung Khoản 8 Điều 27** 8. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.	Căn cứ Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP: *Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành*

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
			một số điều của Luật Chứng khoán như sau: ... *78. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 như sau:* *"3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.".*
15.	**Điểm k khoản 2 Điều 28** k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật	**Điểm k khoản 2 Điều 28** k) Quyết định đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư có mức vốn đầu tư không quá 50% vốn chủ sở hữu, hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhưng không quá 5.000 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư; Trường hợp dự án đầu tư, khoản đầu tư có giá	Sửa đề phù hợp với quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 24 và Khoản 7 Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
		trị lớn hơn mức nêu trên, Hội đồng quản trị quyết định đầu tư sau khi báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua về mục đích, mức vốn đầu tư, thời gian thực hiện	
16.		**Bổ sung điểm y Khoản 2 Điều 28** y, Quyết định bảo lãnh cho doanh nghiệp do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay vốn tại các tổ chức tín dụng bảo đảm tổng giá trị các khoản bảo lãnh không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của Công ty tại thời điểm bảo lãnh	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 19 và Khoản 3 Điều 27 Luật số 68/2025/QH15
17.		**Bổ sung điểm z Khoản 2 Điều 28** z, Quyết định cho doanh nghiệp do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay vốn, bảo đảm tổng giá trị các khoản cho vay đối với từng doanh nghiệp không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của Công ty tại thời điểm cho vay. Trường hợp vượt quá mức quy định tại khoản này thì Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt;	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 19 và Khoản 3 Điều 27 Luật số 68/2025/QH15
18.		**Bổ sung điểm aa Khoản 2 Điều 28** aa) Quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu, hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 26 và Khoản 7 Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
		hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhưng không quá 5.000 tỷ đồng. Trường hợp giá trị lớn hơn mức này, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trước khi quyết định chuyển nhượng.	
19.		**Bổ sung điểm ab Khoản 2 Điều 28** ab) Quyết định mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị tài sản không quá 50% vốn chủ sở hữu, hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhưng không quá 5.000 tỷ đồng. Giá trị tài sản được xác định theo giá mua, thuê mua đối với trường hợp mua, thuê mua tài sản cố định hoặc giá trị còn lại theo sổ sách kế toán đối với trường hợp bán tài sản cố định. Phương án mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức quy định nêu trên thì Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi quyết định. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định bán.	Phù hợp với quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 25 và Khoản 7 Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
20.		**Khoản 1 Điều 34:** 6. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán	Căn cứ Khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP: 83. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 291 như sau: *"6. Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.".*
21.	***Điều 35*** *Hội đồng quản trị chỉ định một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần*	***Sửa đổi các Khoản thuộc Điều 35 và Bỏ quy định về "Trợ lý Thư ký Công ty":*** *Hội đồng quản trị chỉ định một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty*	***Phù hợp với quy mô, tình hình thực tế tại Công ty, đồng thời, tuân thủ quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Khoản 5 Điều 7 Dự thảo Điều lệ (ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC),***

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một (01) Trợ lý Thư ký Công ty tuỳ từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: *1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.* *2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.* *3. Tham dự các cuộc họp.* *4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.* *5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.* *6. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền,*	*khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:* *1. Hỗ trợ công tác tổ chức, triệu tập các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; trực tiếp ghi chép và lập biên bản các cuộc họp;* *2. Hỗ trợ các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được giao;* *3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc áp dụng, duy trì và thực hiện các nguyên tắc quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;* *4. Hỗ trợ Công ty trong việc xây dựng quan hệ cổ đông, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; hỗ trợ việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thực hiện các thủ tục hành chính liên quan;* *5. Các quyền và nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật.*	*quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của Thư ký Công ty.*

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.		
22.	**Khoản 2 Điều 36 Điều lệ** 2. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.	**Bỏ**	Phù hợp và bám sát đúng quy định tại Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020, nhằm đảm bảo tính thống nhất pháp lý và tạo sự linh hoạt trong công tác nhân sự của Công ty.
23.	***Khoản 3 Điều 37*** ***3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.***	***Khoản 3 Điều 37*** ***3. 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. <u>Ban kiểm soát phải họp tối thiểu mỗi quý một (01) lần</u> và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.***	***Đáp ứng nhu cầu về quản trị Công ty ngày càng tăng, nâng cao hiệu quả giám sát của Ban kiểm soát.***
24.		**Bổ sung thêm điểm d, e Khoản 1 Điều 40** 1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: … d) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;	Điểm a, c Khoản 2 Điều 174 Luật Doanh nghiệp 2020: *"2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:* *a) Không hoàn thành nhiệm vụ,*

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
		e) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;	*công việc được phân công;* ... *c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;"*
25.	**Tiêu đề Điều 40 và Khoản 3 Điều 40** **Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát** ... 3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.	**Tiêu đề Điều 40 và Khoản 3 Điều 40** **Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm <u>Kiểm soát viên</u>** ... 3. Trường hợp <u>Kiểm soát viên</u> vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm <u>Kiểm soát viên</u> đương nhiệm và bầu <u>Kiểm soát viên</u> mới thay thế.	Điều 174 Luật Doanh nghiệp Luật Doanh nghiệp 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 quy định về miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên – một chức danh cá nhân, không phải miễn nhiệm "Ban kiểm soát" – một bộ phận của Công ty cổ phần.
26.		**Bổ sung Khoản 5 Điều 42** 5. Công ty không được đầu tư để góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ,	Khoản 3 Điều 27, Khoản 4 Điều 20 Luật 68/2025/QH15: *"4. Doanh nghiệp không được đầu tư để góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác mà người quản lý,*

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
		cha dượng, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của một trong những người sau đây: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	*người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, cha dượng, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của một trong những người sau đây:* *a) Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên;* *b) Chủ tịch công ty;* *c) Tổng giám đốc, Giám đốc;* *d) Kiểm soát viên;* *đ) Kế toán trưởng."*
27.	**Điều 44** **Điều 44. Quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước** Báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị về các vấn đề sau đây:	**Điều 44** **Điều 44. Quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước** 1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số	Do Công ty là Doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Điều 88 Luật Doanh nghiệp 2020, nên người đại diện phần vốn nhà nước cần tuân thủ quy định xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi cho ý kiến biểu quyết tại cuộc họp

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	1. Ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch sản xuất, kinh doanh; 2. Ban hành điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ, tăng giảm vốn điều lệ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc; 3. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của doanh nghiệp; 4. Tổ chức lại, giải thể, phá sản; 5. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	68/2025/QH15, Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP, trên cơ sở các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm các nội dung sau: a) Đề xuất Định hướng phát triển của công ty, bao gồm: ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ; b) Đề xuất Ban hành, sửa đổi, bổ sung điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; c) Đề xuất Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên của doanh nghiệp; d) Đề xuất Tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty; e) Đề xuất Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo	ĐHCĐ/HĐQT theo quy định tại Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP.

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
		quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư. Giá trị chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được xác định theo giá trị lớn hơn giữa giá trị khoản đầu tư trên sổ sách kế toán và giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được. f) Đề xuất Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế theo các nguyên tắc quy định tại Điều 25 của Luật số 68/2025/QH15, Điều 29, Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tùy từng thời điểm. g) Các vấn đề khác, thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. **2.** Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15,	

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
		Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP, bao gồm các nội dung sau: a) Định hướng phát triển của công ty, bao gồm: ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ; b) Ban hành, sửa đổi, bổ sung điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên của doanh nghiệp; d) Tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty; e) Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo	

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
		tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư. Giá trị chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được xác định theo giá trị lớn hơn giữa giá trị khoản đầu tư trên sổ sách kế toán và giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được. f) Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế theo các nguyên tắc quy định tại Điều 25 của Luật số 68/2025/QH15, Điều 29, Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tùy từng thời điểm. g) Các vấn đề khác, thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	
28.	**Điểm b, d, e Khoản 7 Điều 46** 7. Phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau: ... b. Bù đắp lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước	**Sửa điểm Điểm b, d thuộc Khoản 7 Điều 46. Đánh lại thứ tự các Điểm.** 7. Phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau: ... b. Bù đắp lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định; xử lý chi phí được phép xử lý từ lợi nhuận	Căn cứ Điểm b1 Khoản 3 Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP: *"b1) Về việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: trích không quá 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi nếu lợi nhuận sau thuế thực*

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	thuế theo quy định; ... d. Trích tối đa 15% vào quỹ khen thưởng, tối đa 5% vào quỹ phúc lợi cho người lao động; đồng thời, không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động nhân với tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch (nếu lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch), tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động (nếu thực hiện bằng kế hoạch), trích thêm bằng 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch (nếu lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch) nhưng tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động. Tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi theo mức lương thực hiện của năm đánh giá của doanh nghiệp; e. Trích tối đa 2% vào quỹ thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;	sau thuế; ... d. Trích không quá 17% vào quỹ khen thưởng, không quá 5% vào quỹ phúc lợi cho người lao động và ban điều hành Công ty; đồng thời, không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động và ban điều hành cho tổng hai quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện không thấp hơn kế hoạch), không quá 03 tháng tiền lương thực hiện của người lao động và ban điều hành nhân với tỷ lệ giữa lợi nhuận sau thuế thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch cho tổng hai quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện thấp hơn kế hoạch). - Tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi theo mức lương thực hiện của người lao động và ban điều hành trong năm đánh giá của doanh nghiệp;	*hiện không thấp hơn kế hoạch; trích không quá 03 tháng tiền lương thực hiện nhân với tỷ lệ giữa lợi nhuận sau thuế thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch, nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện thấp hơn kế hoạch.* *Tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi theo mức lương thực hiện của năm đánh giá của doanh nghiệp."*

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	đồng thời, không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách (nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch) hoặc tối đa không quá 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách (nếu lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch). Tỷ lệ phần trăm (%) trích và phân phối cụ thể hàng năm do Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định.		
29.	**Khoản 1 Điều 50** **1.** Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	**Khoản 1 Điều 50** **1.** Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công ty phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính	Điểm c Khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp 2020: "*Điều 109. Công bố thông tin định kỳ* *1. Công ty phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây:* ...

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
		hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính; bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có).	*c) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính; bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có);"*
30.		**Bổ sung Khoản 5 Điều 52** 5. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Bổ sung cho phù hợp và lưu ý, theo Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP: *"4. Hàng năm, công ty đại chúng phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên một lần theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được,*

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
			thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty đại chúng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty đại chúng."
31.	**Khoản 2 Điều 56** 2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc	**Khoản 2 Điều 56** 2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung	Chỉnh sửa thuật ngữ. Tòa án kinh tế" không còn là một cơ quan riêng biệt độc lập. Đảm bảo tính bao quát: Bằng việc

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.	gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án có thẩm quyền.	dùng cụm từ "Tòa án có thẩm quyền", Điều lệ sẽ tự động dẫn chiếu đến đúng Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự
32.	**Khoản 1, 2 Điều 58** 1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 58 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang thường niên năm 2021 nhất trí thông qua ngày 30/11/2021 dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố; c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.	**Khoản 1, 2 Điều 58** 1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 58 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang bất thường năm 2026 nhất trí thông qua ngày …/…/2026 dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, Công ty lưu giữ Điều lệ tại trụ sở chính, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.	Quy định về việc nộp Điều lệ tại cơ quan chính quyền tỉnh/ thành phố và phòng công chứng nhà nước hiện không còn được áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

000

BẢN DỰ THẢO
Ngày 12/11/2026

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Nha Trang, năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY 6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty 6
Điều 3. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội trong Công ty 7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN 9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần 9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 11
Điều 10. Thu hồi cổ phần 11
Điều 11. Phát hành trái phiếu, mua cổ phần, trái phiếu 12
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 12
Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 12
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 12
Điều 13. Quyền của cổ đông 12
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông 14
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông 15
Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 18. Thay đổi các quyền 20
Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua 25

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 25
Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 27
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 28
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **28**
Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 29
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 29
Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 31
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 35
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 36
Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty 40
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY **41**
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý 41
Điều 33. Cán bộ quản lý 41
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 41
Điều 35. Thư ký Công ty 43
IX. BAN KIỂM SOÁT **43**
Điều 36. Kiểm soát viên: 43
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 45
Điều 38. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 47
Điều 39. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát 47
Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát 48
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC **48**
Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng 49
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 49
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 50
XI. NGƯỜI ĐẠI PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC **51**
Điều 44. Quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước 51
XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY **51**
Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 52
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN **53**
Điều 46. Phân phối lợi nhuận 53
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN **54**

Điều 47. Tài khoản ngân hàng 55
Điều 48. Năm tài chính 55
Điều 49. Chế độ kế toán 55
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG 55
Điều 50. Báo cáo tài chính năm 55
Điều 51. Báo cáo thường niên 56
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 56
Điều 52. Kiểm toán 56
XVII. CON DẤU 56
Điều 53. Con dấu 56
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ 57
Điều 54. Chấm dứt hoạt động 57
Điều 55. Thanh lý 57
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 57
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ 58
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 58
Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 58
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 58
Điều 58. Ngày hiệu lực 58

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 vào ngày tháng năm 2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
   a. *"Vốn điều lệ"* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
   b. *"Vốn có quyền biểu quyết"* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. *"Luật Doanh nghiệp"* có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế từng thời điểm, đang có hiệu lực;
   d. *"Luật Chứng khoán"* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hướng dẫn thi hành;
   e. "Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp" là Luật số 68/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm, đang có hiệu lực;
   f. *"Ngày thành lập"* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
   g. *"Người điều hành doanh nghiệp"* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này;
   h. *"Người quản lý doanh nghiệp"* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này;
   i. *"Người có liên quan"* là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
   j. *"Cổ đông"* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
   k. *"Cổ đông lớn"* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

l. *"Thời hạn hoạt động* "là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

m. *"Sở giao dịch chứng khoán"* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

o. *"Việt Nam"* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc các thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tên Công ty
   a. Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**
   b. Tên tiếng Anh: **NHA TRANG URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY**
   c. Tên viết tắt: **CÔNG TY MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**
   d. Logo:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
   a. Địa chỉ trụ sở chính: 84 Hùng Vương, Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
   b. Điện thoại : (0258) 3523.863

c. Fax : (0258) 3523863

d. Email : urenconhatrang@gmail.com

e. Website : www.urenconhatrang.com.vn

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Công ty có 01 Người đại diên theo Pháp luật

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty là Tổng giám đốc.

- Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

Tổng Giám đốc đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội trong Công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.
2. Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là Công ty xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.
2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Thu gom rác thải không độc hại	3811
2	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ Chi tiết : Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng	9632
3	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
4	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa và cây	4620
5	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh	0118
6	Trồng cây hàng năm khác	0119
7	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
8	Xây dựng công trình công ích	4220
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, công trình điện, công trình hạ tầng kỹ thuật	4290
10	Lắp đặt hệ thống điện	4321
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
12	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
13	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
14	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
15	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
16	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
17	Thu gom rác thải độc hại	3812
18	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
19	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
20	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
21	Phá dỡ	4311
22	Chuẩn bị mặt bằng	4312
23	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130

24	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
25	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
26	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hàng khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
27	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	4933

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.
2. Công ty kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng *(bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng)*. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 6.000.000 cổ phần (*bằng chữ: Sáu triệu cổ phần)* với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 13 và Điều 14 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty không có cổ đông sáng lập.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua

cổ phần của mình cho người khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

   Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

   a. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu huỷ;

   b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

   Đối với cổ phiếu có tổng giá trị tính theo mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi phát sinh theo tỷ lệ tương đương với lãi suất tiền vay mà Công ty phải trả cho ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 11. Phát hành trái phiếu, mua cổ phần, trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải được thanh toán đủ một lần.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
   a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
   b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
   d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
   đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
   e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua trang website của Công ty;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

m. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa chín ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
5. Cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
   a. Vi phạm pháp luật;
   b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
   c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong

trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
   b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định;
   c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
   d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
   a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
   b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Thông qua định hướng phát triển Công ty;
   b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
   c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
   d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
   f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
   g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
   h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
   i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
   j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
   k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
   l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
   m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
   a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
   b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
   c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
   d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
   e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
   f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
   g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
   h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
   i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
   j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
   k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
   l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
   m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
   n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
   o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
   q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
   r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
   s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
   t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
   a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
   b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
   c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

   Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
   a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
   b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
   c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20, 21 và Điều 22 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 15 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
b. Chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.
c. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
   a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
   b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát;
   c. Phiếu biểu quyết;
   d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
   a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
   b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;
   c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết hoặc phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.

   Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.
5. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
6. Chủ toạ của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.
8. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
   a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

9. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

10. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

11. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

12. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp

13. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 12 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số

những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

14. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
   a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
   b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
   c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
   d. Thay đổi cơ cấu, tổ chức quản lý Công ty;
   e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
   f. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
   b. Mục đích lấy ý kiến;
   c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
   d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
   đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
   e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
   g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
   a. Trường hợp gửi thư, Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
   b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
   c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách

đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
b. Trình độ chuyên môn;
c. Quá trình công tác;
d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
f. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.

   Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối đa là bảy (07) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc

nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị đó.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty phải đảm bảo quy định sau: Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

   a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

   b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận ;

   c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

   d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

   đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp

thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
8. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh và các công việc của Công ty, thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;
d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, nội quy, quy chế quản lý Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

i. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

k. Quyết định đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư có mức vốn đầu tư không quá 50% vốn chủ sở hữu, hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhưng không quá 5.000 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư;

Trường hợp dự án đầu tư, khoản đầu tư có giá trị lớn hơn mức nêu trên, Hội đồng quản trị quyết định đầu tư sau khi báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua về mục đích, mức vốn đầu tư, thời gian thực hiện.

l. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

n. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

o. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

p. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

q. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

r. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

s. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

t. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

u. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

v. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

x. Lựa chọn công ty kiểm toán;

y. Quyết định bảo lãnh cho doanh nghiệp do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay vốn tại các tổ chức tín dụng bảo đảm tổng giá trị các khoản bảo lãnh không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của Công ty tại thời điểm bảo lãnh

z. Quyết định cho doanh nghiệp do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay vốn, bảo đảm tổng giá trị các khoản cho vay đối với từng doanh nghiệp không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của Công ty tại thời điểm cho vay. Trường hợp vượt quá mức quy định tại khoản này thì Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt;

aa. Quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu, hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhưng không quá 5.000 tỷ đồng. Trường hợp giá trị lớn hơn mức này, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trước khi quyết định chuyển nhượng.

ab. Quyết định mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị tài sản không quá 50% vốn chủ sở hữu, hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhưng không quá 5.000 tỷ đồng. Giá trị tài sản được xác định theo giá mua, thuê mua đối với trường hợp mua, thuê mua tài sản cố định hoặc giá trị còn lại theo sổ sách kế toán đối với trường hợp bán tài sản cố định.

Phương án mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức quy định nêu trên thì Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi quyết định.

Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định bán.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
b. Thành lập các công ty con của Công ty;
c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh);
d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
e. Quyết định các khoản đầu tư, giao dịch mua bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị lớn hơn một (01) tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và báo cáo việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
6. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị.

Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

7. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
   b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị;
   c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
   d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
   đ. Chủ toạ họp Đại hội đồng cổ đông;
   e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
   a. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;

b. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

c. Có đề nghị của Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

   Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Biểu quyết.

   a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

   b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi

ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
14. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
    b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
    c. Thời gian, địa điểm họp;
    d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
    đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
    e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
    g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
    h. Các quyết định đã được thông qua;
    i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

    Chủ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

    Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải

có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;
b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
d. Tham dự các cuộc họp;
e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 33. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tuỳ từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó có quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền

lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
   a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
   b. Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị quy định tại Điều 28 Điều lệ này, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
   c. Quyết định các khoản đầu tư, giao dịch mua bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng một (01) tỷ đồng;
   d. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
   e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
   f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
   g. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
   h. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
   i. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

j. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ công tác tổ chức, triệu tập các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; trực tiếp ghi chép và lập biên bản các cuộc họp;

2. Hỗ trợ các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được giao;

3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc áp dụng, duy trì và thực hiện các nguyên tắc quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

4. Hỗ trợ Công ty trong việc xây dựng quan hệ cổ đông, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; hỗ trợ việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thực hiện các thủ tục hành chính liên quan;

5. Các quyền và nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Kiểm soát viên:

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và không thuộc các trường hợp sau:
   a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
   b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
3. Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
   a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
   b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
   c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
   a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
   b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
   c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
e. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;
f. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
   a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
   b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
   c. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
   d. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
   e. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
   f. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
   g. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.
   h. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt

động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

i. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

j. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

k. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn đề xuất;

l. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

m. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

n. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

o. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

p. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

q. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

r. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc các tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

c. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

d. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

e. Toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu mỗi quý một (01) lần và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ

Điều 38. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

Điều 39. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

   Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
   a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
   b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   c. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
   d. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
   e. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Kiểm soát viên đương nhiệm và bầu Kiểm soát viên mới thay thế.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin .
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
   a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao

dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Công ty không được đầu tư để góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, cha dượng, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của một trong những người sau đây: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
   a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. NGƯỜI ĐẠI PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 44. Quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại tại khoản 2 Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15, Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP, trên cơ sở các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm các nội dung sau:

a) Đề xuất Định hướng phát triển của công ty, bao gồm: ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ;

b) Đề xuất Ban hành, sửa đổi, bổ sung điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ;

c) Đề xuất Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên của doanh nghiệp;

d) Đề xuất Tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

e) Đề xuất Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư.

Giá trị chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được xác định theo giá trị lớn hơn giữa giá trị khoản đầu tư trên sổ sách kế toán và giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được.

f) Đề xuất Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế theo các nguyên tắc quy định tại Điều 25 của Luật số 68/2025/QH15, Điều 29, Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tùy từng thời điểm.

g) Các vấn đề khác, thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15, Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP, bao gồm các nội dung sau:

a) Định hướng phát triển của công ty, bao gồm: ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ;

b) Ban hành, sửa đổi, bổ sung điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên của doanh nghiệp;

d) Tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

e) Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư.

Giá trị chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được xác định theo giá trị lớn hơn giữa giá trị khoản đầu tư trên sổ sách kế toán và giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được.

f) Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế theo các nguyên tắc quy định tại Điều 25 của Luật số 68/2025/QH15, Điều 29, Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tùy từng thời điểm.

g) Các vấn đề khác, thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau;

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có

quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị. các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận

được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau:
   a. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);
   b. Bù đắp lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định; xử lý chi phí được phép xử lý từ lợi nhuận sau thuế;
   c. Trích tối đa không quá 10% vào Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp. Mức trích lập cụ thể Quỹ đầu tư phát triển hằng năm được xác định trên cơ sở nhu cầu vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp theo kế hoạch kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp đã được phê duyệt;
   d. Trích không quá 17% vào quỹ khen thưởng, không quá 5% vào quỹ phúc lợi cho người lao động và ban điều hành Công ty; đồng thời, không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động và ban điều hành cho tổng hai quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện không thấp hơn kế hoạch), không quá 03 tháng tiền lương thực hiện của người lao động và ban điều hành nhân với tỷ lệ giữa lợi nhuận sau thuế thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch cho tổng hai quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện thấp hơn kế hoạch).

      - Tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi theo mức lương thực hiện của người lao động và ban điều hành trong năm đánh giá của doanh nghiệp;
   e. Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết cổ tức, lợi nhuận bằng tiền mặt cho các cổ đông, thành viên góp vốn.
8. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
4. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 50. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

   Công ty phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm

toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính; bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có).

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.
5. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

XVII. CON DẤU

Điều 53. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 54. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
   b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
   c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
   a. Các chi phí thanh lý;
   b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
   c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
   d. Các khoản vay (nếu có);
   đ. Các khoản nợ khác của Công ty;
   e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
   a. Cổ đông với Công ty;
   b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp,

   Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án có thẩm quyền.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 58 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang bất thường năm 2026 nhất trí thông qua ngày

.../.../2026 dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, Công ty lưu giữ Điều lệ tại trụ sở chính, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, Điều lệ Tổ chức và hoạt động trước đây có nội dung trái với Điều lệ này được bãi bỏ.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

PHẦN KÝ TÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN HÙNG THANH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẠM VINH NGHIỆP

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VÕ TƯỜNG TRỌNG

TRẦN THỊ KIM CHI

TRẦN VĂN HƯƠNG

ĐÀO THỊ THU HÀ

TẠ TUẤN ANH

BẢN DỰ THẢO

BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

- **Tổng cộng:** 8 điểm sửa đổi, bổ sung
- **Tóm lược:** Bản sửa đổi bổ sung quy định bắt buộc Người đại diện phần vốn nhà nước phải xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Đồng thời, bản quy chế mới giới hạn thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tham gia tối đa 05 công ty khác, mở rộng tiêu chuẩn không được là người có liên quan đối với Tổng giám đốc và điều chỉnh quy mô văn bản thành 102 Điều.

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
1.	**Mục căn cứ pháp lý:** Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020; Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;	**Sửa đổi và Bổ sung một số căn cứ pháp lý, tại mục căn cứ pháp lý:** Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15, và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm, đang có hiệu lực;</u> Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm	Cập nhật các văn bản pháp lý hiện hành.

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; ... Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021;	2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm, đang có hiệu lực; Căn cứ Luật quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm, đang có hiệu lực; Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm, đang có hiệu lực; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm, đang có hiệu lực; ...	

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
		Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2026	
2.	**- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam** **- VSD**	**Sửa đổi các từ ngữ, thuật ngữ:** **- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam** **- VSDC**	Phù hợp với tình hình thực tế, **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)** nay đã thay đổi thành **Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).**
3.	**Điều 11.** **Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông** Việc biểu quyết và thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản liên quan và Điều 22 Điều lệ Công ty.	**Bổ sung thêm đoạn 2 thuộc Điều 11.** **Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông** Việc biểu quyết và thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản liên quan và Điều 22 Điều lệ Công ty. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 31 Nghị	Do Công ty là Doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Điều 88 Luật Doanh nghiệp 2020, nên người đại diện phần vốn nhà nước cần tuân thủ quy định xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi cho ý kiến biểu quyết tại cuộc họp ĐHCĐ/HĐQT theo quy định tại Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
		định 366/2025/NĐ-CP	
4.	**Khoản 3 Điều 45** 3. Thành viên Hội đồng quản trị của một Công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 Công ty khác.	**Khoản 3 Điều 45** 3. Thành viên Hội đồng quản trị của một Công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.	Căn cứ Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP: *"3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.".*
5.	**Điều 58** **Điều 58. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị** Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 12 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.	**Bổ sung thêm đoạn 2 thuộc Điều 58** **Điều 58. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị** Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 12 Điều 157 Luật Doanh nghiệp. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP	Do Công ty là Doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Điều 88 Luật Doanh nghiệp 2020, nên người đại diện phần vốn nhà nước cần tuân thủ quy định xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi cho ý kiến biểu quyết tại cuộc họp ĐHCĐ/HĐQT theo quy định tại Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
6.	**Điều 81 đến Điều 106**	**Đánh lại số thứ tự, từ Điều 77 đến Điều 102**	Số điều khoản không khớp với số điều khoản trước đó.
7.	**Điểm b Khoản 2 Điều 89** b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ;	**Điểm b Khoản 2 Điều 85** b) Không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.	Căn cứ Khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung vào sau Khoản 5 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP: 83. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 291 như sau: *"6. Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.".*
8.	**Khoản 1 Điều 106** 1. Quy chế này gồm 09 Chương, 106 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Môi	**Khoản 1 Điều 102** 1. Quy chế này gồm 09 Chương, 102 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang nhất trí thông qua ngày … tháng … năm	Phù hợp với tình hình thực tế

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	trường Đô thị Nha Trang nhất trí thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.	2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.	

CÔNG TY CỔ PHẦN **MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... /2026/ QĐ-HĐQT	*Khánh Hòa, ngày 11 tháng 12 năm 2026*

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 17 tháng 06 năm 2020, Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2025;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 14/6/2025 có hiệu lực thi hành ngày 01/8/2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số …./2026/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 11/12/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang *(Có bản quy chế kèm theo).*

Điều 2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị trực thuộc, cổ đông và người lao động Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- UBND tỉnh KH (kính gửi);
- Sở Tài chính (kính gửi);
- Sở Nội vụ (kính gửi);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (kính gửi);
- Như điều 2 (thi hành);
- Lưu: VT.

Phạm Vinh Nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-HĐQT ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng quản trị)

Nha Trang, năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG 6
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 6
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt 7
CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 7
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông 7
Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 8
Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông 8
Điều 6. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông 8
Điều 7. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông 8
Điều 8. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 8
Điều 9. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 8
Điều 10. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông 8
Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông 8
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu 8
Điều 13. Cách thức kiểm phiếu 9
Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua 9
Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu 9
Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 9
Điều 17. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 9
Điều 18. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 9
Điều 19. Trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 9
Điều 20. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 10
Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 10
Điều 22. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến 10
Điều 23. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến 10
Điều 24. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến 11
Điều 25. Điều kiện tiến hành 11
Điều 26. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến 11
Điều 27. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến 12
Điều 28. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến 12
Điều 29. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến 12
Điều 30. Thông báo kết quả kiểm phiếu 12
Điều 31. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến 12
Điều 32. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến .. 12

Điều 33. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 13
Điều 34. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông 13
Điều 35. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông 13
Điều 36. Điều kiện tiến hành 13
Điều 37. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 13
Điều 38. Cách thức bỏ phiếu 13
Điều 39. Cách thức kiểm phiếu 14
Điều 40. Thông báo kết quả kiểm phiếu 14
Điều 41. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 14
Điều 42. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 14
Điều 43. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị 14
Điều 44. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT ... 14
Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HDQT 15
Điều 46. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 47. Cách thức bầu thành viên HĐQT 15
Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 49. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 50. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 51. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị 15
Điều 52. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 16
Điều 53. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm 16
Điều 54. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường 16
Điều 55. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của Kiểm soát viên 16
Điều 56. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị 16
Điều 57. Cách thức biểu quyết 16
Điều 58. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị 16
Điều 59. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị 17
Điều 60. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị 17
Điều 61. Trường hợp Chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị 17
Điều 62. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị 17
Điều 63. Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT 17
Điều 64. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty 17
Điều 65. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty 17
Điều 66. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty 17

Điều 67. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty .. 18
Điều 68. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty 18
CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT 18
Điều 69. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên 18
Điều 70. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu Kiểm soát viên 18
Điều 71. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên 18
Điều 72. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên 18
Điều 73. Cách thức bầu Kiểm soát viên 19
Điều 74. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 19
Điều 75. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 19
Điều 76. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên 19
CHƯƠNG 5. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ 19
Điều 77. Tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ quản lý 19
Điều 78. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ quản lý 20
Điều 79. Thời hạn (nhiệm kỳ) giữ chức vụ của các chức danh cán bộ quản lý ... 21
Điều 80. Bổ nhiệm lại chức vụ của cán bộ quản lý. 21
Điều 81. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý 21
Điều 82. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý 21
Điều 83. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý 21
CHƯƠNG 6. TỔNG GIÁM ĐỐC 21
Điều 84. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc 21
Điều 85. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc 22
Điều 86. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc 22
Điều 87. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc 22
Điều 88. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc 22
Điều 89. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc 22
CHƯƠNG 7. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC 22
Điều 90. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc 22
Điều 91. Thông báo Nghị quyết/Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát 23
Điều 92. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HDQT cho Tổng giám đốc 23
Điều 93. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT 23
Điều 94. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và

quyền hạn được giao 23
Điều 95. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc 24
Điều 96. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS 24
Điều 97. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc. 24
Điều 98. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác 26
Điều 99. Khen thưởng 26
Điều 100. Kỷ luật 26
CHƯƠNG 8. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY 27
Điều 101. Bổ sung và sửa đổi Quy chế 27
CHƯƠNG 9. NGÀY HIỆU LỰC 27
Điều 102. Ngày hiệu lực 27

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-HĐQT ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng quản trị)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15, và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm, đang có hiệu lực;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm, đang có hiệu lực;

Căn cứ Luật quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm, đang có hiệu lực;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm, đang có hiệu lực;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm, đang có hiệu lực;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự,

thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty.

Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

3. Trình tự, thủ tục tổ chức Hội đồng Quản trị;

4. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;

5. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;

6. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;

7. Quy trình thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

8. Quy định báo cáo và công bố thông tin.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

3. Công ty: là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang

4. HĐQT: là Hội đồng quản trị

5. Ứng cử: là tự đề cử

6. BKS: là Ban kiểm soát

7. VSDC: là Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

8. Cổ đông/đại diện cổ đông: là Cổ đông hoặc cá nhân/tổ chức được cổ đông ủy quyền bằng văn bản theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp, Điều 16 Điều lệ Công ty.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ

đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Khoản 1 Điều 141; Điều 143 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình họp và các công việc khác phục vụ cuộc họp theo quy định Khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp theo Quy định tại Khoản 4 Điều 19 Điều lệ Công ty.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ Công ty vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 19 Điều lệ Công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 10. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Điều lệ Công ty và các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông

Việc biểu quyết và thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản liên quan và Điều 22 Điều lệ Công ty.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận từng vấn đề theo chương trình, nội dung họp đã được thông qua.

3. Cổ đông biểu quyết thông qua các vấn đề đã thảo luận bằng hình thức biểu quyết bằng phiếu biểu quyết. Trên phiếu biểu quyết đã ghi sẵn họ tên cổ đông sở hữu và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, nội dung biểu quyết, phương án biểu quyết (tán thành, không tán thành và không có ý kiến); cổ đông đồng ý phương án nào thì đánh dấu theo quy định vào ô phương án đó trên phiếu; cổ đông ký và ghi rõ họ trên vào phiếu biểu quyết.

4. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên, cổ đông thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Phương thức bầu dồn phiếu là mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

1. Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

2. Nếu có vấn đề phát sinh và cổ đông có yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Nội dung tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông được thông qua khi đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết không thông qua Nghị quyết có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

2. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp và Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 150 Luật Doanh nghiệp và Điều 24 Điều lệ Công ty.

Điều 18. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 19. Trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trừ các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, cụ thể là:

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;

2. Định hướng phát triển Công ty;

3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

7. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 20. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trừ các trường hợp quy định tại Điều 19 của Quy chế này.

Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Trình tự, thủ tục họp Đại hội cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp và Điều 23 Điều lệ Công ty.

2. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và đảm bảo các quy định dưới đây:

Điều 22. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi theo quy định của Điều lệ công ty theo hình thức hội nghị trực tiếp trong đó Bổ sung nêu rõ mục hình thức **"Tổ chức ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN và sử dụng giải pháp ứng dụng công nghệ cụ thể".**

Điều 23. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Công ty cổ phần Môi trường đô thị Nha Trang gửi thư mời tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Cổ đông thực hiện theo tài liệu hướng dẫn để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/ quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.

2. Sau khi đã xác nhận tư cách cổ đông hợp lệ, Ban tổ chức đại hội đồng cổ đông sẽ cấp Tài khoản truy cập cho cổ đông để thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, biểu quyết điện tử trên Hệ thống theo hướng dẫn nêu trên.

3. Các trường hợp được xem là cổ đông không tham dự Đại hội trực tuyến:

- Cổ đông không cung cấp thông tin và gửi thư phản hồi về để xác thực tư cách cổ đông theo yêu cầu.

- Cổ đông không đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Quy chế này.

4. Cổ đông dùng mã đăng nhập (ID) là số: CMND/CCCD/MSDN/ Mã số NĐT nước ngoài để đăng nhập. Sau khi đăng nhập, hệ thống sẽ gửi mã OTP vào điện thoại di động cho cổ đông. Mỗi một lần đăng nhập là 01 mã OTP khác nhau.

5. Cổ đông đăng bằng Tài khoản truy cập và xác thực OTP để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên websitte của (http://urenconhatrang.com.vn/). Mỗi lần đăng nhập, cổ đông sẽ được nhận 01 mã OTP khác nhau để thực hiện xác thực.

6. Cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

Điều 24. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty theo hình thức Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.

Điều 25. Điều kiện tiến hành

1. Số cổ đông đăng ký tham dự đại hội đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.

- Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.

- Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin theo quy định.

- Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

Điều 26. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:

a) Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;

b) Chỉ có cổ đông/đại diện cổ đông mới được tham gia thảo luận;

c) Cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;

d) Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông/đại diện cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông/đại diện cổ đông:

a) Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông/đại diện cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông/đại diện cổ đông;

b) Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 27. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử trên hệ thống giải pháp ứng dụng ĐHĐCĐ trực tuyến của Công ty.

Điều 28. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

1. Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập và mã OTP để đăng nhập hệ thống theo hướng dẫn đã được đăng tải trên website của Công ty để thực hiện biểu quyết.

2. Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng "Tán thành", "Không tán thành" hoặc "Không ý kiến" với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo tại Đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

3. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu "Không ý kiến" đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.

Điều 29. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

1. Khi Cổ đông/đại diện cổ đông thực hiện biểu quyết số phiếu biểu quyết đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, số biểu quyết không tán thành và số biểu quyết không ý kiến.

2. Kết quả bầu cử trực tuyến được ghi nhận trên hệ thống theo phương thức bầu dồn phiếu; kết quả bầu cử và ứng viên trúng cử được ghi nhận trên hệ thống, bảo đảm đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 30. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

2. Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

Điều 31. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư lý ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như hình thức trực tiếp.

2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 32. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức trực tuyến phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày có biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 33. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi theo quy định của Điều lệ công ty theo hình thức hội nghị trực tiếp trong đó Bổ sung nêu rõ mục hình thức **"Tổ chức ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN KẾT HỢP VỚI TRỰC TIẾP và sử dụng giải pháp ứng dụng công nghệ cụ thể"**.

Điều 34. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Gửi thư mời tham dự Đại hội trực tiếp kết hợp trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư các cổ đông đến từng cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tiếp kết hợp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tiếp kết hợp trực tuyến.

2. Sau khi đã xác thực tư cách cổ đông hợp lệ, Ban Tổ chức đại hội cổ đông sẽ cấp một thẻ biểu quyết theo quy định bầu Đại hội cổ đông trực tiếp và Tài khoản truy cập cho cổ đông để thực hiện đăng ký tham dự Đại hội theo hình thức trực tuyến, biểu quyết điện tử trên Hệ thống theo hướng dẫn nêu tại Điều 25 của Quy chế này.

Điều 35. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo mẫu và chữ ký theo đúng quy định phải được gửi theo quy định của Điều lệ công ty theo hình thức hội nghị Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.

Điều 36. Điều kiện tiến hành

1. Số cổ đông đăng ký tham dự đại hội đại diện của hai hình thức kết hợp đạt trên 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách ngày đăng ký.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.

- Địa điểm chính tổ chức đại hội kết hợp hai hình thức Đại hội trực tiếp kết hợp trực tuyến phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.

- Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin theo quy định.

- Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

Điều 37. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông biểu quyết thông qua các vấn đề đã thảo luận bằng hình thức biểu quyết bằng phiếu biểu quyết theo hình thức trực tiếp và thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử trên hệ thống giải pháp ứng dụng Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 38. Cách thức bỏ phiếu

Cổ đông sử dụng phiếu biểu quyết thực hiện theo hướng dẫn tại quy chế bầu cử của Đại hội và sử dụng Tài khoản truy cập và mã OTP để đăng nhập theo hướng dẫn được đăng tải trên website để thực hiện biểu quyết trên phần mềm giải pháp ứng dụng.

Điều 39. Cách thức kiểm phiếu

Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống trực tiếp và Hệ thống trực tuyến để cổ đông thực hiện quyền của mình, ngoại trừ nội dung bỏ phiếu ngoài thời gian biểu quyết. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/ khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

Điều 40. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu theo hình thức trực tiếp và phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết của cả hai hình thức.

2. Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội.

Điều 41. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nội dung họp Đại hội trực tiếp kết hợp trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như hình thức trực tiếp.

2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 42. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến phải được công bố trên Website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày có biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 43. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. HĐQT phải tuân thủ đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ Công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

Mục 2. Quy định về đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 44. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là **07** người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Điều lệ Công ty.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định

pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của 01 Công ty đại chúng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của một Công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 Công ty khác.

Điều 46. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.

Điều 47. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức bầu cử trực tiếp (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

Điều 49. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT: Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố theo quy định của Luật Chứng khoán về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 50. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 51. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

Việc Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Điều 29 Điều lệ Công ty.

Mục 3. Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 52. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo điều 163 Luật Doanh nghiệp và Khoản 6, 7, 8,9, 10 Điều 28 Điều lệ Công ty.

Mục 4. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 53. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm được thực hiện theo Khoản 1, 2 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và Khoản 1, 2 Điều 30 Điều lệ Công ty.

Điều 54. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường được thực hiện theo Khoản 3, 4, 5 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3, 4 Điều 30 Điều lệ Công ty.

Điều 55. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của Kiểm soát viên

Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của Kiểm soát viên được thực hiện theo Khoản 7 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

Điều 56. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo Khoản 8 Điều 30 Điều lệ Công ty và Khoản 8 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

Điều 57. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp được quy định tại Khoản 9, 10 Điều 157 Luật Doanh nghiệp

2. Biểu quyết thực hiện theo Khoản 9 Điều 30 Điều lệ Công ty

3. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty được quy định cụ thể tại Khoản 10 Điều 30 Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 Điều lệ Công ty.

5. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

7. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Khoản 12 Điều 30 Điều lệ Công ty.

8. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 58. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 12 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP.

Điều 59. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 60. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Lập biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 14 Điều 30 Điều lệ Công ty, Điều 158 Luật Doanh nghiệp

Điều 61. Trường hợp Chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp Chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 62. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định pháp luật hiện hành.

Mục 5. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 63. Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) do HĐQT Công ty quyết định.

Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Điều 64. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 65. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện theo Khoản 1 Điều 31 Điều lệ Công ty

Điều 66. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

2. Người phụ trách quản trị Công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 67. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 68. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 69. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt đông Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều 37 Điều lệ Công ty.

Mục 2. Quy định về nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên

Điều 70. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người.

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 71. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 36 Điều lệ Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 72. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên theo quy định Điều 36 của Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử tương tự theo quy định tại Khoản 3 Điều 47 Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 73. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu Kiểm soát viên có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức bầu cử trực tiếp (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 74. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.

Điều 75. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS: Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố theo quy định của Luật Chứng khoán về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 76. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty

CHƯƠNG 5. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 77. Tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ quản lý

1. Tổng giám đốc đáp ứng những điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 89 quy chế này.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán Tài vụ Công ty.

a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 51 Luật Kế toán.

b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

- Đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

4. Cán bộ quản lý khác (Giám đốc Xí nghiệp, Phó Giám Đốc Xí nghiệp và tương đương)

Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm như tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.

Điều 78. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ quản lý

1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc

Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Các thành viên Hội đồng Quản trị có thể đề cử ứng cử viên cho vị trí Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị chọn một người khác làm Tổng giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng Quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt Công ty, ...) để lựa chọn người được bổ nhiệm.

Hồ sơ đề nghị Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc do người đề cử ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:

a. Sơ yếu lí lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;

b. Bản kê khai tài sản , thu nhập

c. Chương trình hành động

d. Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác

đ. Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);

e. Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có);

Toàn bộ hồ sơ nêu trên phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp cùng với tài liệu mời họp, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng Quản trị không có ý kiến phản đối về thời gian gửi tài liệu. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết quyết định bổ nhiệm.

2. Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán Tài vụ và Giám đốc Xí nghiệp, Phó Giám Đốc Xí nghiệp

Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán Tài vụ và Giám đốc Xí nghiệp, Phó Giám Đốc Xí nghiệp khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện như hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

Điều 79. Thời hạn (nhiệm kỳ) giữ chức vụ của các chức danh cán bộ quản lý.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác trong Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

Điều 80. Bổ nhiệm lại chức vụ của cán bộ quản lý.

1. Khi cán bộ quản lý kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì Hội đồng quản trị phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng.

2. Điều kiện để bổ nhiệm lại

- Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ;

- Phẩm chất đạo đức tốt;

- Không vi phạm pháp luật, chế độ, chính sách Nhà nước và các quy định của Công ty;

- Có đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ;

- Được cán bộ, công nhân lao động trong đơn vị tín nhiệm.

3. Hồ sơ trình Công ty bổ nhiệm lại như là hồ sơ bổ nhiệm lần đầu

Điều 81. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) cho cán bộ quản lý . Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động với các cán bộ quản lý khác theo uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động.

Điều 82. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý

1. Cán bộ quản lý xin từ chức phải làm đơn gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc thì cán bộ quản lý đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc có thể miễn nhiệm cán bộ quản lý trong trường hợp sau:

a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;

b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 83. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG 6. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 84. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự

giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Điều lệ Công ty.

Điều 85. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

Điều 86. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc

Tổng giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 87. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

3. Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động với Tổng giám đốc theo quy định pháp luật.

Điều 88. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc: Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố theo quy định của Luật chứng khoán về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc.

Điều 89. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG 7. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1. Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Điều 90. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa

HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4, Chương 3 Quy chế này.

Điều 91. Thông báo Nghị quyết/Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 92. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng giám đốc

Nghị quyết/ Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 93. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

a) Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b) Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề Tổng giám đốc cần xin ý kiến HĐQT:

a) Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c) Xin ý kiến HĐQT đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua;

d) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

e) Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;

f) Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 94. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;

4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;

5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;

6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT/ĐHĐCĐ.

Điều 95. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 88 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết qua thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng giám đốc.

Điều 96. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

1. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT

a) Các nội dung theo Điều 98 của Quy chế này;

b) Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.

c) Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

2. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS.

a) Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

b) Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

c) Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với HĐQT.

Điều 97. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc.

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

a) Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;

c) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT,Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

đ) Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

e) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;

g) Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc:

a) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

b) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c) Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

d) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

đ) Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh Công ty của BKS phải được gửi đến Tổng giám

đốc trước ít nhất bảy 07 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và HĐQT: Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a) Khi có kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

c) Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

d) Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi của HĐQT.

Mục 2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Điều 98. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác theo quy định của pháp luật.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông.

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 99. Khen thưởng

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động.

2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền hoặc các hình thức khác do HĐQT xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 100. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy định về kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc

vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tuỳ theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 8. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 101. Bổ sung và sửa đổi Quy chế

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG 9. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 102. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 09 Chương, 102 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM VINH NGHIỆP

BẢN DỰ THẢO

BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

- **Tổng cộng:** 5 điểm sửa đổi, bổ sung
- **Tóm lược:** Bản sửa đổi bổ sung quy định chi tiết các thông tin bắt buộc, tài liệu, chứng cứ kèm theo khi cổ đông/nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Đồng thời, văn bản bổ sung quy định về tính hiệu lực của biên bản họp HĐQT khi chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký, cùng trách nhiệm pháp lý liên quan của các bên.

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
1.	**Phần căn cứ pháp lý ban hành Quy chế:** Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của	**Phần căn cứ pháp lý ban hành Quy chế:** Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm;</u> Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số</u>	Cập nhật đảm bảo phù hợp với thực tế

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; ... Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCD ngày 30 tháng 11 năm 2021.	03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm ... Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../NQ-ĐHĐCĐ ngày ... tháng ...năm 2026	
2.	**Điểm c Khoản 1 Điều 13** c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng	**Điểm c Khoản 1 Điều 13** c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn	Căn cứ Khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 4 Điều 115 Luật DN 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH 15 sửa đổi, bổ sung Luật DN 2020 *"3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập*

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;	bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp	*họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:* *a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;* *b) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty."* *18. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 115 như sau:* *"4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
		Đại hội đồng cổ đông	*xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.*
3.	**Thứ tự các Điều khoản từ Điều 17 đến Điều 24**	**Thứ tự các Điều khoản từ Điều 16 đến Điều 23**	Điều 15 sang Điều 17 (bị thiếu Điều 16).
4.	**Khoản 2 Điều 16** 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.	**Khoản 2 Điều 16** 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về	Căn cứ Khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022: *Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp* ... *6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 158 như sau:* *"2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp*

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
		thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan	*chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.".*
5.	**Điều 23. Hiệu lực thi hành** Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang bao gồm 7 Chương, 23 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2021.	**Điều 23. Hiệu lực thi hành** Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang bao gồm 7 Chương, 23 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.	Cập nhật phù hợp với thực tế

CÔNG TY CỔ PHẦN **MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... /2026/QĐ-HĐQT	*Khánh Hòa, ngày 11 tháng 12 năm 2026*

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 17 tháng 06 năm 2020, Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2025;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 14/6/2025 có hiệu lực thi hành ngày 01/8/2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số …./2026/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 11/12/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang *(Có bản quy chế kèm theo).*

Điều 2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị trực thuộc, cổ đông và người lao động Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh KH (kính gửi);
- Sở Tài chính (kính gửi);
- Sở Nội vụ (kính gửi);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (kính gửi);
- Như điều 2 (thi hành);
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Vinh Nghiệp

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-HĐQT ngày tháng năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty,

công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là **07** người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT thực hiện theo

Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty.

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ

thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty:

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty

và các quy định khác của Pháp luật.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung theo quy định Khoản 14 Điều 30 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm

nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo điều 163 Luật Doanh nghiệp và Khoản 6, 7, 8,9, 10 Điều 28 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành

viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang bao gồm 7 Chương, 23 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Vinh Nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN **MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... /QĐ-BKS	*Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026*

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 17 tháng 06 năm 2020, Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2025;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 14/6/2025 có hiệu lực thi hành ngày 01/8/2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số .... /2026/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 11/12/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang *(Có bản quy chế kèm theo).*

Điều 2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị trực thuộc, cổ đông và người lao động Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh KH (kính gửi);
- Sở Tài chính (kính gửi);
- Sở Nội vụ (kính gửi);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (kính gửi);
- Như điều 2 (thi hành);
- Lưu: VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Ngọc Báu

BẢN DỰ THẢO – ngày 12/11/2026

BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

- **Tổng cộng:** 4 điểm sửa đổi, bổ sung
- **Tóm lược:** Bản sửa đổi cập nhật lại các căn cứ pháp lý áp dụng theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP mới nhất. Đồng thời, văn bản điều chỉnh lại thời điểm dự kiến áp dụng từ năm 2026.

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
1.	**Phần căn cứ pháp lý ban hành Quy chế:** Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết	**Phần căn cứ pháp lý ban hành Quy chế:** Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm;</u> Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm;</u> Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ	Cập nhật đảm bảo phù hợp với thực tế

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; ... Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCD ngày 30 tháng 11 năm 2021.	quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm;</u> ... Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../NQ-ĐHĐCĐ ngày ... tháng ...năm 2026.	
2.	**Khoản 1 Điều 5** **Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát** 1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 36 Điều lệ Công ty.	**Khoản 1 Điều 5** **Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát** 1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty.	Điều chỉnh do điều chỉnh số thứ tự điều khoản tại Điều lệ Công ty
3.	**Khoản 1 Điều 14** **Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát**1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần	**Khoản 1 Điều 14** **Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát** <u>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất mỗi quý một</u>	Đồng nhất với nội dung tại Điều lệ sửa đổi, bổ sung. Đáp ứng nhu cầu về quản trị Công ty ngày càng tăng, nâng cao

STT	Quy định hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi, bổ sung
	trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.	(01) lần, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.	hiệu quả giám sát của Ban kiểm soát.
4.	**Điều 22. Hiệu lực thi hành** Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang bao gồm 7 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 11năm 2021.	**Điều 22. Hiệu lực thi hành** Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang bao gồm 7 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.	Cập nhật phù hợp với thực tế

BẢN DỰ THẢO – ngày 12/11/2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-BKS ngày ... tháng ... năm 2026 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp quy định tại

Điều 40 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III
BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với

thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các

giao dịch có liên quan.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang bao gồm 7 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Tài liệu – Chị Xuân

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

Hôm nay, vào lúc giờ phút ngày 11 tháng 12 năm 2026, tại Hội trường Văn phòng Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang - 84 Hùng Vương, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, căn cứ quy định tại Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội cổ đông bất thường 2026. Ban kiểm phiếu đã tiến hành kiểm tra tính hợp lệ và thống kê kết quả biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cổ đông bằng Thẻ biểu quyết, cụ thể như sau:

I. Thành phần Ban kiểm phiếu:

- Bà: Nguyễn Thị Ngọc Báu - Trưởng ban
- Bà: Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thành viên
- Ông: Lê Nguyễn Hữu Toàn – Thành viên

II. Kết quả biểu quyết của các cổ đông:

- Tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội: ..... cổ phần.
- Tổng số thẻ biểu quyết đã phát ra: ..... *thẻ.*
- Tổng số thẻ thu về: ..... *thẻ.*

Kết quả biểu quyết các nội dung lấy ý kiến cổ đông:

1. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: ..... cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội, trong đó:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, tương đương 100% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: 0 cổ phần, tương đương 0 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương đương 0% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương 0 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội

Với 100% số phiếu biểu quyết đồng ý: Đại hội đã Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

Với 100% số phiếu biểu quyết đồng ý: Đại hội đã thông qua Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

2. Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: ..... cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội, trong đó:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, tương đương 100% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: 0 cổ phần, tương đương 0 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương đương 0% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương 0 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội

Với 100% số phiếu biểu quyết đồng ý: Đại hội đã Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

Với 100% số phiếu biểu quyết đồng ý: Đại hội đã thông qua Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

3. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: ..... cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội, trong đó:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, tương đương 100% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: 0 cổ phần, tương đương 0 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương đương 0% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương 0 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội

Với 100% số phiếu biểu quyết đồng ý: Đại hội đã Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

Với 100% số phiếu biểu quyết đồng ý: Đại hội đã thông qua Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

4. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: ..... cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội, trong đó:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, tương đương 100% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: 0 cổ phần, tương đương 0 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, tương đương 0% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội

Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương 0 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội

Với 100% số phiếu biểu quyết đồng ý: Đại hội đã Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

Với 100% số phiếu biểu quyết đồng ý: Đại hội đã thông qua Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sữa đổi, bổ sung).

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau ./.

BAN KIỂM PHIẾU

Thành viên **Trưởng Ban**

Nguyễn Thị Thanh Xuân **Nguyễn Thị Ngọc Báu**

Thành viên

Lê Nguyễn Hữu Toàn

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
Số: /2026/ NQ-ĐHĐCĐBT	*Khánh Hòa , ngày 11 tháng 12 năm 2026*

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021, Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật số 68/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang ngày 30/11/2021;

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang được tổ chức vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 11/12/2026 tại Hội trường Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang, số 84 đường Hùng Vương, Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền là ..... cổ đông, với tổng số ..... cổ phần và đại diện .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Đại hội đã nhất trí như sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sửa đổi, bổ sung).

Điều 2. Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sửa đổi, bổ sung).

Điều 3. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sửa đổi, bổ sung).

Điều 4. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sửa đổi, bổ sung).

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 giao:

5.1. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang tổ chức triển khai thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sửa đổi, bổ sung), ký ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sửa đổi, bổ sung), Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sửa đổi, bổ sung) theo đúng các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5.2. Ban Kiểm soát Công ty ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sửa đổi, bổ sung) theo đúng các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 6. Căn cứ Nghị quyết này, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như điều 6 (thi hành)
- Các cổ đông;
- Lưu: VT, P.TCHC.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Phạm Vinh Nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dự thảo

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Mội trường Đô thị Nha Trang

Địa chỉ trụ sở chính: 84 Hùng Vương, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200444916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 22/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 do Phòng Quản lý Doanh nghiệp - Sở Tài chính cấp ngày 17/7/2025

Hôm nay, vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 11/12/2026, tại Hội trường Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Mội trường Đô thị Nha Trang (NUE) được tiến hành với các nội dung chi tiết như sau:

I. NỘI DUNG CUỘC HỌP:

1. Ông Tạ Tuấn Anh – Thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty: tiến hành phần nghi thức khai mạc, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thành viên Ban Kiểm Soát, đại diện Ban Thẩm tra tư cách cổ đông: báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Tính đến 07 giờ 30 phút ngày 11 tháng 12 năm 2026, tổng số cổ đông tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội là **319** cổ đông, tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội là **5.578.900** cổ phần, chiếm **92,98%** tổng số cổ phần của cổ đông được mời tham dự và chiếm **92,98 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 đủ điều kiện để tiến hành theo quy định của pháp luật.

3. Ông Tạ Tuấn Anh - Thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty: trình bày và điều khiển Đại hội thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội *(tài liệu đính kèm).*

Với **100%** số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

4. Ông Tạ Tuấn Anh - Thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty: điều khiển Đại hội thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn.

Chủ toạ đoàn (gồm 3 người):

- Ông **Phạm Vinh Nghiệp** - Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa

- Ông **Nguyễn Hùng Thanh** - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Thành viên

- Ông **Võ Tường Trọng** - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương Mại và Du lịch Tường Nhàn - Cổ đông lớn, nắm giữ 1.511.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 25,19%) – Thành viên HĐQT, Thành viên

Với **100%** số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua nhân sự Chủ toạ đoàn như trên.

5. Ông Tạ Tuấn Anh - Thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty: điều khiển Đại hội thông qua nhân sự Thư ký đoàn gồm 2 thành viên như sau:

- Bà **Nguyễn Thị Hoài Thanh** – Nhân viên Phòng Tổ chức – Hành chính - Thư ký Đoàn

- Bà **Trương Thị Thanh Hoàng**– Nhân viên Phòng Tổ chức – Hành chính - Thư ký Đoàn

Với **100%** số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua nhân sự Thư ký đoàn như trên.

6. Ông Tạ Tuấn Anh - Thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty: điều khiển Đại hội thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên như sau:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Báu – Phó Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm phiếu

- Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Nhân viên phòng Kế hoạch - Đầu tư, thành viên Ban Kiểm soát – Thành viên Ban Kiểm phiếu

- Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga - Thành viên Ban kiểm soát – Thành viên Ban Kiểm phiếu

Với **100%** số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu như trên.

7. Ông Tạ Tuấn Anh - Thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty: trình bày và điều khiển Đại hội thông qua Chương trình làm việc của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 *(tài liệu đính kèm).*

Với **100%** số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua Chương trình làm việc của Đại hội.

8. Ông Nguyễn Hùng Thanh – Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty: Thông qua dự thảo sửa đổi, bổ sung các văn kiện bao gồm: Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và **đề nghị**

các cổ đông, xem xét cho ý kiến trước khi biểu quyết thông qua các văn kiện nêu trên *(tài liệu đính kèm).*

9. Ông Phạm Vinh Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng Quản trị: đề nghị biểu quyết thông qua các văn kiện bao gồm: sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động; sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (theo tài liệu đính kèm đã gửi cho các cổ đông tham dự Đại hội cũng như dự thảo các văn kiện đã đăng tải trên Websize của Công ty trước 21 ngày diễn ra Đại hội Cổ đông bất thường theo quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính vê công bố thông tin trên thị trường chứng khoán).

10. Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thành viên Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm phiếu của Đại hội: Công bố kết quả kiểm thẻ biểu quyết thông qua các văn kiện trình Đại hội:

10.1. Đối với Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sửa đổi, bổ sung)

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: **5.622.600** cổ phần, chiếm **100 %** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội, trong đó:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: **5.617.000** cổ phần, tương đương **99,9%** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: **0 cổ phần**, tương đương 0 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: **5.600 cổ phần**, tương đương **0,1%** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: **0 cổ phần**, tương đương **0 %** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội

Với **99,9%** số phiếu biểu quyết đồng ý: **Đại hội đã thông qua *Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sửa đổi, bổ sung)***

10.2. Đối với Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sửa đổi, bổ sung)

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: **5.622.600** cổ phần, chiếm **100 %** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội, trong đó:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: **5.617.000** cổ phần, tương đương **99,9%** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: **0 cổ phần**, tương đương 0 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: **5.600 cổ phần**, tương đương **0,1%** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội

- Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: **0 cổ phần**, tương đương 0 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội

Với **99,9%** số phiếu biểu quyết đồng ý: **Đại hội đã thông qua** ***Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sửa đổi, bổ sung)***

10.3. Đối với Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sửa đổi, bổ sung)

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: **5.622.600** cổ phần, chiếm **100 %** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội, trong đó:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: **5.617.000** cổ phần, tương đương **99,9%** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: **0 cổ phần**, tương đương 0 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: **5.600 cổ phần**, tương đương **0,1%** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: **0 cổ phần**, tương đương **0 %** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội

Với **99,9%** số phiếu biểu quyết đồng ý: **Đại hội đã thông qua** ***Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang***

10.4. Đối với Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sửa đổi, bổ sung)

Số cổ phần biểu quyết hợp lệ: **5.622.600** cổ phần, chiếm **100 %** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội, trong đó:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: **5.617.000** cổ phần, tương đương **99,9%** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: **0 cổ phần**, tương đương 0 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: **5.600 cổ phần**, tương đương **0,1%** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết không hợp lệ: **0 cổ phần**, tương đương **0 %** tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự đại hội

Với **99,9%** số phiếu biểu quyết đồng ý: **Đại hội đã thông qua** ***Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang***

II. THÔNG QUA BIÊN BẢN HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

Bà Trương Thị Thanh Hoàng thay mặt Thư ký đoàn trình bày Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026

Với **100%** số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thống nhất thông qua Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang kết thúc lúc 10 giờ 30 cùng ngày.

TM. Thư ký đoàn	**TM. Chủ tọa đoàn**

DIỄN VĂN BẾ MẠC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

Kính thưa quý đại biểu.
Kính thưa Đại hội.

Sau một buổi làm việc khẩn trương, nghiêm túc và trách nhiệm, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường Nha Trang đã thành công tốt đẹp.

Đại hội đã diễn ra đúng kế hoạch, đạt được các yêu cầu, nội dung đặt ra. Quý cổ đông đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, thảo luận, biểu quyết thông qua các văn kiện theo Chương trình của Đại hội đã đề ra, bao gồm

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Môi trường đô thị Nha Trang
2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Nha Trang
3. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường đô thị Nha Trang.
4. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Môi trường đô thị Nha Trang

Thay mặt cho Đoàn chủ tịch, tôi xin tuyên bố bế mạc Đại hội.

Một lần nữa, kính chúc quý vị Đại biểu, quý vị khách quý sức khỏe, thành công.

Xin cảm ơn.